**HƯỚNG DẪN ÔN TẬP**

**MÔN LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG CHÍNH TRỊ VÀ QUẢN LÝ**

**1. Các nguyên tắc phương pháp luận mácxít trong nghiên cứu Lịch sử tư tưởng chính trị và quản lý**

Cơ sở lý luận của môn *Lịch sử tư tưởng chính trị và quản lý* là thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Nghĩa là, nghiên cứu lịch sử các học thuyết chính trị phải tuân thủ nguyên tắc khách quan, nguyên tắc kế thừa, và nguyên tắc tính đảng.

*Nguyên tắc khách quan* đòi hỏi nghiên cứu các học thuyết chính trị của một thời đại lịch sử nhất định cần phải hiểu rõ được bối cảnh lịch sử, những điều kiện kinh tế - xã hội của thời đại ấy, và phải luận giải được làm thế nào những học thuyết chính trị đã hình thành trên những cơ sở kinh tế - xã hội tương ứng với chúng.

*Nguyên tắc kế thừa* đòi hỏi nghiên cứu sự hình thành, phát triển của tư tưởng chính trị không chỉ nhấn mạnh tính quyết định của tồn tại xã hội, mà còn phải nhận thức được tính độc lập tương đối của các học thuyết chính trị. Điều đó liên quan đến nguồn gốc nhận thức, lôgic phát triển nội tại của các các học thuyết chính trị.

*Nguyên tắc tính đảng* trong nghiên cứu lịch sử tư tưởng chính trị đòi hỏi phải nhận thức được bản chất và lập trường giai cấp của tư tưởng chính trị. Nguyên tắc tính đảng mácxít còn khẳng định rằng, để nhận thức được một cách khách quan, khoa học về lịch sử tư tưởng chính trị, cần phải đứng trên lập trường, quan điểm của giai cấp tiến bộ - giai cấp thực sự quan tâm đến việc thúc đẩy xã hội tiến lên.

Trên cơ sở phương pháp luận mácxít, có thể khẳng định, phương pháp lịch sử - lôgic có vai trò quan trọng hàng đầu trong nghiên cứu lịch sử các học thuyết chính trị. Phương pháp này sẽ giúp nhà nghiên cứu tạm thời “bóc tách” tư tưởng chính trị ra khỏi tư tưởng nói chung xuyên suốt quá trình lịch sử.

Cách tiếp cận mácxít còn nhấn mạnh phương pháp lịch sử cụ thể khi nghiên cứu lịch sử các học thuyết chính trị. V.I.Lênin viết: “Khi xét công lao lịch sử của các nhân vật lịch sử, người ta không căn cứ vào chỗ họ *không cống hiến* được gì so với đòi hỏi của thời đại đương thời, mà căn cứ vào chỗ họ *đã cống hiện được gì mới* so với các bậc tiền bối của họ”. Lời chỉ dẫn trên đây của V.I.Lênin có tác dụng cảnh báo nhà nghiên cứu không được “hiện đại hóa” các học thuyết chính trị một cách tùy tiện mà không xét đến tính lịch sử cụ thể của nó.

Ngoài ra, ở mức độ nhất định, các phương pháp hệ thống – cấu trúc, so sánh, phân tích – tổng hợp cũng là những phương pháp hữu hiệu trong nghiên cứu lịch sử các học thuyết chính trị.

**2.Vai trò của Dân trong đường lối chính trị của Nho gia? Người cầm quyền phải thực hiện những chính sách gì để phát huy vai trò của dân?**

Nho gia là trường phái tư tưởng rất chú ý đến dân và vai trò của dân trong đường lối trị nước. Theo nhận định của nhà nghiên cứu Trần Đình Hượu, trọng dân là một trong những điểm nhấn trong tư tưởng Nho gia. Sở dĩ như vậy là bởi các nhà Nho tin rằng, nhận thức đầy đủ về vai trò của dân mới có thể định rõ trách nhiệm của kẻ cai trị đối với họ.

***\* Vai trò của dân trong đường lối chính trị của Nho gia***

Trong hệ thống tư tưởng chính trị của Nho gia, dân có những vai trò chủ yếu sau:

*Thứ nhất*, *dân là lực lượng chủ yếu trong xã hội* (Mạnh Tử gọi là “tầng lớp lao lực) tạo ra của cải vật chất đáp ứng nhu cầu của bản thân, gia đình và xã hội, bao gồm cả “tầng lớp lao tâm” = cai trị. Dân gồm ba hạng người: công – nông – thương, có trách nhiệm và nghĩa vụ “chăm sóc kẻ lao tâm”, “phục vụ người cai trị”.

*Thứ hai*, *dân là gốc nước, là nền tảng của nền chính trị.* Hầu như các thế hệ nhà Nho đều coi trọng dân như là “cội gốc của quốc gia”. Trong *Kinh Thư* (quyển thứ II – Hạ thư) có câu: “Dân chính là gốc rễ của đất nước, gốc rễ có vững chắc thì nước mới yên ổn”. Dân là sức mạnh, nguồn sống của đất nước, dân có được yên ổn đất nước mới được yên ổn, dân có được ấm no đất nước mới có thể giàu mạnh. Cho nên là bậc trị quốc phải thấm nhuần câu “dĩ dân vi bản”, coi trọng dân, lấy dân làm gốc. Mạnh Tử khẳng định rõ: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh” (Tận tâm hạ, *Mạnh Tử*).

Có thể nói, Nho gia là một trong những học thuyết đã nhận thức rõ vai trò quan trọng của dân như là lực lượng sản xuất chính trong xã hội, có ảnh hưởng lớn đến sự thịnh suy, hưng vong của chế độ chính trị. Đó là cơ sở để các nhà Nho đi đến một vấn đề chính trị cốt yếu hơn: *thái độ, trách nhiệm và nghĩa vụ của người cai trị đối với dân*.

***\* Các chính sách để phát huy vai trò chính trị của dân***

Xuất phát từ tính quyết định của lòng dân đối với sự thịnh – suy, hưng – vong của chế độ chính trị, các nhà Nho yêu cầu người trị nước phải thực hiện tốt chính sách “dưỡng dân” và “giáo [hóa] dân”.

*- Dưỡng dân*, theo quan niệm của Nho gia, gồm những nội dung chủ yếu sau:

+ *Chăm lo đời sống vật chất của dân để dân không bị đói khổ, tạo điều kiện cho dân trên đủ phụng dưỡng cha mẹ, dưới đủ nuôi vợ nuôi con*. Muốn được như vậy, nhiệm vụ của người cầm quyền là phải giúp dân làm giàu, có tài sản riêng, sai khiến dân làm gì thì không được trái thời vụ, mùa màng của dân, giảm thuế khóa, hỗ trợ thiên hạ an cư, lạc nghiệp.

+ *Bảo hộ cho dân, không ham giết người, hại dân, phải giảm hình phạt cho dân nếu dân phạm tội.* Có như vậy, dân sẽ quy phục không có uy lực nào cản được.

- *Giáo hóa dân:*

Xuất phát từ học thuyết về bản tính con người, Nho gia đã đặt lên hàng đầu việc giáo hóa dân. Trong nhãn quan của các nhà nhà Nho, dân là những người có phẩm chất đạo đức và tài trí thấp kém, trong *lợi* hơn *nghĩa*, nếu không được giáo dục thì không có việc ác nào không dám làm. Do đó, giáo dục, giáo hóa là công việc thiết yếu, thường xuyên, là biện pháp căn bản để hiện thực hóa đường lối đức trị.

*Vậy phải giáo hóa dân những điều gì và bằng cách nào?*

*Về nội dung giáo hóa,* Nho gia yêu cầu phải dạy cho con người những chuẩn mực, đạo lý của *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, hiếu, trung*. Mặc dù, Nho gia chủ trương mọi người đều phải được giáo hóa để tỏ tường cái “đạo làm người” (hữu giáo vô loại), nhưng mục tiêu của giáo hóa ở mỗi loại người không vì thế mà giống nhau. Nghĩa là, nếu bậc quân tử, người cầm quyền học “đạo” là để trở thành người có đạo đức, để “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”, thì kẻ tiêu nhân học “đạo” là để tỏ tường đạo lý mà tuân theo, an phận với cảnh nghèo (an bần nhi lạc), phục sự kẻ cầm quyền.

*Về biện pháp giáo hóa,* Nho gia coi trọng biện pháp đạo đức, còn hình phạt chỉ là biện pháp tạm thời dùng trong các tình thế khó xử. Do đó, các nhà Nho không phê phán người cai trị sử dụng hình phạt để giáo hóa dân, mà chỉ khuyên họ không nên lạm dụng hình phạt đối với dân, không ham giết hại dân.

*Nhận xét chung:*

Không thể phủ nhận tính chất hợp lý và tiến bộ của chính sách dưỡng dân theo quan niệm Nho gia. Song, xét ở góc độ hệ tư tưởng chính trị, thực chất của chính sách dưỡng dân chẳng qua cũng chỉ là phương tiện để đạt đến mục đích củng cố, duy trì sự tồn tại của chế độ phong kiến, đảm bảo địa vị thống trị của giai cấp địa chủ phong kiến, còn người dân chỉ là kẻ bị thống trị, áp bức, bóc lột. Nói cách khác, chính sách dưỡng dân không phải là *mục đích* tự thân, mà chẳng qua là *phương tiện* để củng cố, duy trì nền chuyên chính phong kiến.

**3. Tư tưởng chính trị và quản lý xã hội của Aristotle**

**a) Aristotle là ai?**

- Ông được công nhận là “Cha đẻ của khoa học chính trị”.

- Các tác phẩm đáng chú ý của ông về khoa học chính trị: Chính trị, Đạo đức học Nicomachean và Đạo đức học Eudemian.

- Là học trò xuất sắc của triết gia vĩ đại Plato, đồng thời là thầy dạy của Alexander Đại đế của Macedonia

**b) Nội dung cơ bản trong tư tưởng chính trị của Aristotle**

- Nhiệm vụ quan trọng nhất đối với chính trị gia, trong vai trò là nhà lập pháp, là thiết định một thể chế chính trị thích hợp cho thành – bang (polis).

- Khi chính thể đã được thiết lập, chính trị gia cần thực hiện các biện pháp để duy trì nó, đưa ra các cải cách khi thấy cần thiết và ngăn chặn các diễn biến có thể dẫn đến sự sụp đổ của hệ thống chính trị.

- Aristotle thường so sánh công việc của chính trị gia với công việc của một thợ thủ công.

- Quan điểm tự nhiên về nguồn gốc của nhà nước (thành – bang)

+ Sự ra đời của cái gọi là thành bang từ những cộng đồng đơn giản hơn.

+ Đầu tiên, các cá nhân kết hợp thành từng cặp vì họ không thể tồn tại tách biệt. Nam và nữ kết hợp với nhau để sinh sản, và chủ nhân và nô lệ đến với nhau một cách tự nhiên để tự bảo vệ mình. Chủ nhân sử dụng trí tuệ của mình để cai trị, và nô lệ sử dụng cơ thể của mình để lao động.

+ Thứ hai, hộ gia đình phát sinh tự nhiên từ những cộng đồng nguyên thủy này để phục vụ nhu cầu hàng ngày.

+ Thứ ba, khi một số hộ gia đình kết hợp lại để đáp ứng nhu cầu khác, một ngôi làng cũng xuất hiện một cách tự nhiên.

+ Sau cùng, “cộng đồng hoàn chỉnh, được hình thành từ một số ngôi làng, là một thành bang, đạt đến giới hạn tự cung tự cấp, nói một cách đại khái. Nó ra đời vì lợi ích của cuộc sống, và tồn tại vì lợi ích của cuộc sống tốt đẹp” (I.2.1252b27–30).

- Quan niệm của Aristotle về thể chế chính trị

+ Không giống như *Nền cộng hòa* của Plato, *Chính trị* của Aristotle không dự định phác thảo về một nhà nước lý tưởng. Thay vào đó, nhà triết học cổ đại hướng đến khám phá các chính thể mà các thành bang thực hiện một cách thực tế. Mục đích của Aristotle là “xem xét, không chỉ hình thức chính quyền nào là tốt nhất, mà còn cả những gì có thể và dễ dàng đạt được”

+ Sống, trải nghiệm và nhận thức hiện thực chính trị ở Hy Lạp cổ đại và các nước lân cận, Aristotle thấy rõ tính đa dạng của các hình thức thể chế chính trị (chính thể). Ông đưa ra hai cách phân loại chính thể dựa trên hai tiêu chí căn bản:

(1) Mục đích của chính thể (phục vụ lợi ích cho ai?): “Thể chế hướng đến lợi ích chung là đúng đắn và công bằng mà không có điều kiện, trong khi đó những thể chế chỉ hướng đến lợi ích của người cai trị là lệch lạc và bất công, vì chúng bao gồm chế độ cai trị chuyên chế không phù hợp với một cộng đồng những người tự do” (1279a17–21).

(2) Số lượng người cầm quyền: Sự phân biệt giữa thể chế đúng đắn và lệch lạc còn liên quan đến vấn đề chính quyền nằm trong tay một người, một số ít hoặc nhiều người

+ Phân loại thể chế chính trị

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **SỐ NGƯỜI CAI TRỊ** | **ĐÚNG ĐẮN** | **LỆCH LẠC** |
| Một người | Quân chủ  Monarchy | Chuyên chế, bạo chính  Tyranny |
| Nhóm người | Quý tộc  Aristocracy | Tài phiệt  Oligarchy |
| Số đông | Cộng hòa  Polity | Dân chủ  Democracy |

- Theo Aristotle, Cộng hòa là hình thức chính thể lý tưởng vì nó kết hợp những yếu tố tốt nhất của cả dân chủ và quý tộc. Trong chính thể cộng hòa, quyền lực không chỉ thuộc về một nhóm thiểu số mà phải đảm bảo sự tham gia của một số đông công dân.

- Quan niệm của Aristotle về chính thể cộng hòa đóng vai trò quan trọng trong việc xác định các hình thức nhà nước và cách thức mà quyền lực nên được thực thi trong một xã hội. Ông nhấn mạnh chính thể này là hình thức tốt nhất, kết hợp giữa dân chủ và quý tộc, với mục tiêu cuối cùng là thúc đẩy hạnh phúc cho toàn bộ cộng đồng, đồng thời cũng cảnh báo về những nguy cơ có thể xảy ra nếu chính thể không được kiểm soát và nếu công dân không tham gia tích cực vào đời sống chính trị.

**c) Nhận xét, bình luận**

- Tư tưởng chính trị của Aristotle phản ánh rõ hệ tư tưởng của giai cấp chủ nô ở Hy Lạp cổ đại.

- Những kiến giải của ông về chính trị, về nguồn gốc của nhà nước và các hình thức chính thể đã đặt nền cho nhiều vấn đề hệ trọng của khoa học chính trị phương Tây.

- So với Plato có thái độ phê phán chế độ dân chủ dễ dẫn đến sự hỗn loạn và thiếu trật tự (ông tin rằng mọi người không đủ khả năng để đưa ra quyết định chính trị đúng đắn, và do đó, quyền lực nên thuộc về những người có tri thức), thì Aristotle có cái nhìn khách quan hơn về dân chủ. Mặc dù chỉ trích những khuyết điểm của dân chủ (như việc dễ bị thao túng), nhưng Aristotle công nhận dân chủ có thể mang lại lợi ích cho xã hội nếu được điều chỉnh hợp lý và nếu công dân tham gia tích cực vào chính trị